

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại bưu điện tỉnh Hà
Tĩnh : Luận văn ThS. Kinh doanh và quản lý: 60.34.05 /
Nguyễn Đình Danh ; Nghd. : TS. Trần Anh Tài

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Thực tế cho thấy đã nhiều năm qua Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn) nói chung, Bưu điện Hà Tĩnh nói riêng hoàn toàn độc quyền kinh doanh trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, nên có nhiều thuận lợi để đạt được tốc độ tăng trưởng cao mà chưa cần phải xem xét đến việc sử dụng những nguồn lực đầu vào có hiệu quả hay không, do đó chưa chú trọng tới công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bước sang giai đoạn cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là từ khi hiệp định thương mại Việt Mỹ ra đời và có hiệu lực kể từ ngày 10/12/2001, Pháp lệnh BC-VT ngày 07/06/2002, Việt nam gia nhập WTO vào cuối năm 2006 làm cho các doanh nghiệp BC-VT phải đương đầu với cạnh tranh ngày càng gay gắt, vị thế độc quyền của Tập đoàn không còn nữa.

Để tồn tại và phát triển, Tập đoàn phải thích nghi với điều kiện cạnh tranh và hội nhập, phải tạo ra sự phát triển bền vững và tăng trưởng ngày càng cao. Trong đó nâng cao hiệu quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam.

Vốn là yếu tố đầu vào có vai trò quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt, cùng với sự hạn chế về nguồn lực, thì quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả đang

được quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp. Thực tế những năm qua thì hiệu quả quản lý và sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh qua các chỉ tiêu còn thấp, tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư chưa cao.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp, cùng với thực tế tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh tôi chọn đề tài “**NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI BƯU ĐIỆN TỈNH HÀ TĨNH**” để nghiên cứu.

- Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh là một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Trước đây độc quyền về lĩnh vực BC-VT, bước vào giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế (*Pháp lệnh BC-VT ngày 07/06/2002, Việt Nam chính thức gia nhập WTO cuối năm 2006*), một sân chơi lớn, nền kinh tế nớc ta đã có thêm nhiều vận hội mới, song làm cho các doanh nghiệp BC-VT phải đương đầu với cạnh tranh ngày càng gay gắt, vị thế độc quyền không còn nữa, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực tối đa để có thể tồn tại và phát triển.

- Vốn là yếu tố đầu vào có vai trò quyết định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt, cùng với sự hạn chế về nguồn lực, thì quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả đang được quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp.

- Thực tế cho thấy, những năm qua Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh đã có bước tăng trưởng mạnh mẽ cả về quy mô và hiệu quả hoạt động, đó là minh chứng cụ thể cho thành công trong khai thác, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu so với hệ số lợi thế về nguồn lực và mức độ quan tâm ưu tiên đầu tư của các cấp lãnh đạo thì thành quả đó vẫn chưa tương xứng, vẫn còn những hạn chế trong quản lý, sử dụng vốn kinh doanh cần tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp khắc phục.

2. Tình hình nghiên cứu

*Hiện nay đã có rất nhiều đề tài của các tác giả đã và đang nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn tại các doanh nghiệp và Tập đoàn Bưu chính Viễn

thông Việt Nam như : “ Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam”, Nguyễn Quang Huy, 2001-THS, Đại học kinh tế quốc dân; “Một số giải pháp tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty Tài chính bưu điện”, Nguyễn Văn Dũng, 2002-THS, Đại học kinh tế quốc dân; “ Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty Dịch vụ tiết kiệm bưu điện”, Vũ Thanh Thuý, 2003-THS, Đại học kinh tế quốc dân. . .

* Tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh tính đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn.

3. Mục đích nghiên cứu của luận văn:

* Về *lí luận*: Nghiên cứu, hệ thống hoá, góp phần hoàn thiện lý luận chung về hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cạnh tranh và hội nhập.

* Về *thực tiễn*: Đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng vốn của Bưu điện Hà Tĩnh, đề xuất những giải pháp chủ yếu mang tính hệ thống và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện Hà Tĩnh trong giai đoạn tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

* *Đối tượng* nghiên cứu là hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp Bưu chính Viễn Thông.

* *Phạm vi nghiên cứu*: là hiệu quả sử dụng vốn của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh trong khoảng thời gian 2004 – 2006

5. Phương pháp nghiên cứu:

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; phương pháp phân tích thống kê; phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, phân tích tỉ lệ; phương pháp trừu tượng hoá, khái quát hoá.

6. Dự kiến những đóng góp chính của luận văn:

* Hệ thống hoá những vấn đề lí luận chung về hiệu quả sử dụng vốn trong một doanh nghiệp.

* Đề xuất những giải pháp tài chính chủ yếu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện Hà Tĩnh

7. Kết cấu luận văn:

Chương 1: Lí luận chung về vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Vốn và vai trò của vốn trong hoạt động của doanh nghiệp

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của vốn

1.1.1.1 Khái niệm

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về vốn song có thể khái quát như sau:

Để có các yếu tố đầu vào (SLĐ, TLSX) phục vụ sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải có một lượng tiền ứng trước và lượng tiền ứng trước này gọi là vốn. Một cách đầy đủ hơn vốn là biểu hiện bằng tiền của vật tư, tài sản mà doanh nghiệp sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

1.1.1.2 Đặc trưng cơ bản của vốn

Thứ nhất: Vốn được biểu hiện bằng một lượng giá trị có thực

Thứ hai: Vốn phải được vận động nhằm mục đích sinh lời

Thứ ba: Vốn phải được tích tụ và tập trung đến một lượng nhất định

Thứ tư: Vốn có giá trị về mặt thời gian

Thứ năm: Vốn luôn gắn với chủ sở hữu nhất định

Thứ sáu: Vốn là một loại hàng hoá đặc biệt.

1.1.2. Phân loại vốn

1.1.2.1 Căn cứ theo quan hệ sở hữu vốn

- Nguồn vốn chủ sở hữu
- Nợ phải trả

1.1.2.2 Căn cứ vào tính chất luân chuyển vốn

a) Vốn cố định

Vốn cố định là biểu hiện bằng tiền của doanh nghiệp, có thời gian luân chuyển dài (thường trên một năm hoặc một chu kỳ kinh doanh) và sự vận động của vốn cố định gắn liền với hình thái biểu hiện vật chất của nó là tài sản cố định.

Đặc điểm của vốn cố định bao gồm:

Thứ nhất: vốn cố định là hình thái biểu hiện bằng tiền của tài sản cố định

Thứ hai: vốn cố định tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh

Thứ ba: vốn cố định được luân chuyển dần dần, từng phần vào giá trị sản phẩm sản xuất ra trong kỳ

Thứ tư: sau nhiều chu kỳ sản xuất vốn cố định mới hoàn thành một vòng luân chuyển

Thứ năm: sự vận động của vốn cố định luôn gắn với hình thái biểu hiện vật chất của nó là tài sản cố định.

Phân loại vốn cố định

- Theo hình thái biểu hiện
- Theo mục đích sử dụng
- Phân loại tài sản cố định theo tình hình sử dụng
- Theo công dụng kinh tế.

b) Vốn lưu động

Vốn lưu động là biểu hiện bằng tiền của tài sản lưu động. Do gắn với tài sản lưu động nên sự vận động của vốn lưu động luôn chịu sự chi phối những đặc điểm của tài sản lưu động.

Đặc điểm của vốn lưu động

Thứ nhất: vốn lưu động là biểu hiện bằng tiền của TSLĐ

Thứ hai: vốn lưu động được luân chuyển qua nhiều hình thái khác nhau: dự trữ sản xuất, sản xuất và lưu thông.

Thứ ba: vốn lưu động ứng với loại hình doanh nghiệp khác nhau thì khác nhau.

Phân loại vốn lưu động

- Theo lĩnh vực tham gia chu chuyển vốn
- Theo hình thái biểu hiện
- Theo nguồn hình thành
- Theo quan hệ sở hữu vốn

Vai trò của vốn đối với hoạt động SXKD của doanh nghiệp

Thứ nhất, vốn là điều kiện tiên quyết cho sự ra đời của doanh nghiệp

Thứ hai, vốn đóng vai trò quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp

Thứ ba, vốn có vai trò quyết định trong việc cải thiện, thay đổi cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp

Thứ tư, vốn là thước đo ‘sức khỏe’ trong một doanh nghiệp

Thứ năm, đối với toàn bộ nền kinh tế, vốn của doanh nghiệp hoà chung vào vốn của nền kinh tế giúp cho mọi hoạt động được trôi chảy, nhịp nhàng

1.2. Hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp

1.2.1. Khái niệm

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi tối đa với chi phí thấp nhất.

1.2.2. Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

Hiện nay thường sử dụng rộng rãi các phương pháp sau: Phương pháp so sánh; Phương pháp phân tích tỷ lệ; Phương pháp phân tích tài chính Dupont; Phương pháp tính giá trị bình quân

1.2.3. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

1.2.3.1 Hệ thống chỉ tiêu tổng hợp

- Hiệu suất sử dụng vốn (vòng quay của vốn kinh doanh)

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn} = \frac{\text{Lợi nhuận trước(hoặc sau) thuế Tả Dã}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần trước thuế (hoặc sau thuế)}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

- Sức hao phí vốn

$$\text{Sức hao phí vốn} = \frac{\text{Vốn bình quân trong kỳ}}{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}$$

- Hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu dựa trên phương pháp Dupont

ROE = ROA x Đòn bẩy tài chính, *trong đó*:

$$\text{ROA} = \frac{\text{lợi nhuận sau thuế}}{\text{tổng tài sản}} = \frac{\text{lợi nhuận sau thuế}}{\text{doanh thu}} \times \frac{\text{doanh thu}}{\text{tổng tài sản}}$$

Đòn bẩy tài chính(FL) = Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu

Công thức tính ROE viết lại như sau:

$$\text{ROE} = \frac{\text{lợi nhuận sau thuế}}{\text{doanh thu}} \times \frac{\text{doanh thu}}{\text{tổng tài sản}} \times \frac{\text{tổng tài sản}}{\text{VCSH}}$$

1.2.3.2 Hệ thống chỉ tiêu chi tiết

a) Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả sử dụng VCD

- Hiệu suất sử dụng VCD

$$\text{Hiệu suất sử dụng VCD} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{VCD bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận VCD

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận VCD} = \frac{\text{Lợi nhuận trước(hoặc sau) thuế Tả Dã}}{\text{Vốn cố định bình quân}}$$

- Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định

$$\frac{\text{Tỷ suất tự tài trợ}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tài sản cố định}}$$

- Một số chỉ tiêu khác

+ Hệ số hao mòn TSCĐ

$$\frac{\text{Hệ số hao mòn}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{Số tiền khấu hao lũy kế}}{\text{giá nguyên giá TSCĐ ở thời điểm đánh giá}}$$

+ Hiệu suất sử dụng TSCĐ

$$\frac{\text{Hiệu suất sử dụng}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{Doanh thu (DTT) trong kỳ}}{\text{giá nguyên giá TSCĐ bình quân trong kỳ}}$$

+ Hệ số đổi mới TSCĐ

$$\frac{\text{Hệ số đổi mới}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{TSCĐ mới đưa vào hoạt động}}{\text{giá nguyên giá TSCĐ}}$$

+ Hệ số trang bị TSCĐ

$$\frac{\text{Hệ số trang bị}}{\text{TSCĐ}} = \frac{\text{giá nguyên giá TSCĐ bình quân trong kỳ}}{\text{Số lượng công nhân trực tiếp sản xuất}}$$

b) Hệ thống chỉ tiêu hiệu quả sử dụng VLĐ

- Hiệu suất sử dụng VLĐ

$$\text{Hiệu suất sử dụng VLĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{VLĐ bình quân}}$$

- Tỷ suất lợi nhuận VLĐ

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận VLĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận trước(hoặc sau) thuế Tả Dã}}{\text{Vốn lưu động bình quân}}$$

- Một số chỉ tiêu khác

+ Số vòng quay vốn lưu động

$$\frac{\text{Số vòng quay}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Doanh thu (DTT)}}{\text{VLĐ bình quân}}$$

+Vòng quay của tiền

$$\text{Vòng quay của tiền} = \frac{\text{Doanh thu (DTT)}}{\text{Tiền mặt}}$$

+ Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán (DTT)}}{\text{Hàng tồn kho (dự trữ)}}$$

+ Số ngày luân chuyển

$$\text{Số ngày luân chuyển} = \text{Số ngày trong kỳ} / \text{Số vòng quay vốn}$$

+ Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

$$\frac{\text{Hệ số đảm nhiệm}}{\text{Vốn lưu động}} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân}}{\text{Doanh thu (DTT)}}$$

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng hiệu quả sử dụng vốn

1.3.1. Nhân tố bên ngoài

1.3.1.1 Các chính sách kinh tế, tài chính tiền tệ của ả hà nước

1.3.1.2 Thị trường của doanh nghiệp

1.3.1.3 Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

1.3.1.4 Hệ số chỉ tiêu trung bình ngành

1.3.2. Nhân tố bên trong

1.3.2.1 Cơ sở vật chất kỹ thuật

1.3.2.2 ầu nguồn vốn và cơ cấu vốn

1.3.1.3 ầu hân tố con người

1.3.2.4 Chất lượng thông tin và phương pháp phân tích.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI BƯU ĐIỆN TỈNH HÀ TĨNH

2.1. Tổng quan về Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

ầu gày 20 tháng 11 năm 1992, Tổng cục Bưu điện có Quyết định số 18/QĐ-TCCB giải thể Bưu điện ầu ghệ Tĩnh, thành lập Bưu điện tỉnh ầu ghệ An và Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện quyết định này, ngày 01 tháng 01 năm 1993 Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh được tái lập và đi vào hoạt động với chức năng thừa hành quản lý ầu hà nước về Bưu điện và trực tiếp quản lý mạng lưới sản xuất kinh doanh các nghiệp vụ bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Qua 13 năm thực hiện đường lối đổi mới Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh đã có nhiều cố gắng vươn lên hoàn thiện mạng lưới bưu chính viễn thông có chiều sâu và rộng khắp theo hướng hiện đại hoá, đáp ứng phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân và phục vụ chính trị của Đảng, ầu hà nước và Địa phương.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của BDT Hà Tĩnh

** Chức năng của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh*

Thiết kế mạng thuê bao, xây lắp; Kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành BCVT; Tổ chức, xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác mạng lưới BCVT. Đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ các cơ quan Đảng, chính quyền

các cấp, phục vụ các yêu cầu thông tin trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và các nơi khác theo quy định của Tập đoàn nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.

** Nhiệm vụ của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh*

- Đăng ký kinh doanh và kinh doanh theo đúng danh mục ngành nghề đã đăng ký; Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của nhà nước được Tập đoàn giao; Đảm bảo thông tin liên lạc; Xây dựng quy hoạch phát triển doanh nghiệp; Chấp hành các quy định của ả hà nước và Tập đoàn; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách ả hà nước; Thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi đối với người lao động; Thực hiện pháp lệnh KTTKTC; Chịu sự quản lý, kiểm tra, kiểm soát của Tập đoàn.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của BĐT Hà Tĩnh

2.1.4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh BC-VT

2.1.4.1 Đặc điểm sản phẩm

2.1.4.2 Đặc điểm của mạng thông tin Bưu chính Viễn thông

2.1.4.3 Đặc điểm kinh tế của ngành bưu điện

2.1.4.4 Bưu điện là ngành vừa phục vụ vừa kinh doanh.

2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh

2.2.1. Thực trạng hiệu quả sử dụng tổng vốn kinh doanh.

2.2.1.1. Khái quát tình hình tài chính của Bưu điện Hà Tĩnh

- Ba năm qua (2004-2006) đơn vị đều đạt tăng trưởng cao, luôn hoàn thành xuất sắc kế hoạch Tập đoàn giao

- Chỉ tiêu doanh thu riêng (Doanh thu xác định lợi nhuận) còn phải nhận điều tiết từ Tập đoàn tăng, chi phí tăng cao, lợi nhuận giảm.

2.2.1.2. Phân tích diễn biến nguồn vốn và sử dụng vốn

- ả nguồn vốn và sử dụng vốn đều tăng năm sau cao hơn năm trước qua các năm 2004, 2005, 2006

- TSCĐ được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, công trình XD CB được đầu tư tăng lên hiện đang được tài trợ từ các nguồn nợ ngắn

hạn, dự trữ tiền mặt tăng do từ nguồn thu hồi các khoản phải thu và nguồn nợ ngắn hạn, dự trữ vật tư hàng hoá lớn được tài trợ bằng nguồn tiền dự trữ và các nguồn nợ dài hạn, chỉ tiêu phải thu khách hàng tăng cao.

2.2.1.5 Hiệu quả sử dụng tổng vốn kinh doanh.

- Hiệu suất sử dụng vốn

Trong 3 năm qua hiệu suất sử dụng vốn đều tăng. Điều này chứng tỏ trình độ sử dụng tài sản của Bưu điện tỉnh đã có những bước tiến rõ rệt và tốc độ tăng doanh thu nhanh hơn tốc độ tăng vốn kinh doanh.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh của đơn vị qua 3 năm đều thấp và giảm. Nguyên nhân của tình trạng đó là do đầu tư của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh còn tràn lan không trọng điểm, mặt khác do cơ chế tập đoàn khi ăn chia doanh thu thiếu chính xác, cơ chế giao kế hoạch lợi nhuận cho các đơn vị không phù hợp. Vì thế năm liền lợi nhuận kế hoạch không tăng trong khi vốn đầu tư và doanh thu đều tăng.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu này cho thấy một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Vì thế tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh qua 3 năm đều giảm. Vì thế so sánh toàn ngành cho thấy chỉ tiêu này còn thấp và đây là một trong những đơn vị có hiệu quả kinh doanh thấp.

2.2.2. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn cố định

2.2.2.1 Cơ cấu vốn cố định

Vốn cố định chiếm 78,27% trong tổng vốn của đơn vị, TSCĐ chiếm 58,04% trong tổng vốn kinh doanh. Đối với doanh nghiệp bưu chính viễn thông thì đây là một cơ cấu hợp lý phù hợp với chiến lược tăng tốc.

2.2.2.2 Tình hình huy động đảm bảo vốn cố định

Vốn lưu động thường xuyên của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh năm 2004, 2005 đều nhỏ hơn không. Năm 2006, vốn lưu động thường xuyên >0, điều

này cho thấy TSCĐ đã được tài trợ vững chắc từ nguồn vốn chủ sở hữu và nợ dài hạn.

2.2.2.2 Tình hình sử dụng Tài sản cố định

- Mức độ trang bị TSCĐ

Hệ số này tăng từ đầu năm đến cuối năm, nhưng tốc độ tăng về tài sản cố định cao hơn tốc độ tăng về lao động. Vậy đơn vị đã trang bị TSCĐ tăng trong năm 2006 nhằm mục đích đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất kinh doanh.

- Hệ số đổi mới TSCĐ

Tỷ suất này cao hơn về cuối năm đạt 0,001 chứng tỏ doanh nghiệp đã chú trọng hơn vào đầu tư đổi mới tài sản cố định tuy rằng chưa lớn.

- Hệ số hao mòn TSCĐ

Hệ số hao mòn cuối năm nhỏ hơn so với đầu năm chứng tỏ tình trạng kỹ thuật của tài sản cố định là tốt, công tác thanh lý tài sản cũng bắt đầu được doanh nghiệp chú trọng.

2.2.2.4. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn cố định

- Hiệu suất sử dụng vốn cố định

ă ăm 2006 hiệu suất sử dụng VCD tăng so với các năm trước đây. ă ă nguyên nhân tăng chủ yếu là do vốn đầu tư vào mạng lưới viễn thông 2003-2005 đã phát huy tác dụng, làm cho tốc độ tăng doanh thu lớn hơn tốc độ tăng VCD đầu tư và kết quả hiệu suất sử dụng VCD vẫn được cải thiện. Tuy nhiên chỉ số này vẫn còn thấp, phản ánh chất lượng công tác quản lý và sử dụng VCD còn hạn chế

- Tỷ suất lợi nhuận trên VCD

Mức sinh lời của VCD năm sau giảm so với các năm trước. Bên cạnh đó chỉ tiêu này còn đạt ở mức thấp chứng tỏ việc sử dụng TSCĐ chưa đạt hiệu quả cao. Đó cũng chính là một trong những đặc thù của ngành viễn

thông, một ngành có vốn đầu tư xây dựng lớn nhưng thời gian thu hồi vốn dài, lợi nhuận mang lại những năm đầu chưa cao.

- Tỷ suất tài trợ TSCĐ

Chỉ tiêu tỷ suất tự tài trợ TSCĐ cao và tăng qua các năm. Điều này nói lên rằng TSCĐ được tài trợ vững chắc từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ắ hư vậy sẽ giúp đơn vị tăng cường tính chủ động khi quyết định đầu tư TSCĐ, đồng thời tiết kiệm chi phí vốn và mang lại hiệu quả.

2.2.3. Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn lưu động

2.2.3.1. Cơ cấu vốn lưu động

Tài sản lưu động qua các năm đều tăng và chiếm tỷ trọng trên 19% tổng tài sản của đơn vị.

2.2.3.2 Tình hình huy động đảm bảo vốn lưu động

Vốn lưu động thường xuyên năm 2004, 2005 nhỏ hơn không, chứng tỏ các nguồn vốn ngắn hạn bên ngoài đã dư thừa để tài trợ cho tài sản lưu động, tài sản lưu động không đáp ứng đủ nhu cầu thanh toán nợ ngắn hạn. Ắ ều năm 2006 có khả năng thanh toán tốt thì trong thời gian tới doanh nghiệp không cần chiếm dụng vốn của các doanh nghiệp khác quá nhiều.

2.2.3.3. Quản lý và Sử dụng vốn lưu động

a) Quản lý tiền mặt

Ắ ăm 2004, 2005 vòng quay của tiền giảm, nhưng đến năm 2006 lại tăng. Sự tăng giảm này cho thấy năm 2005 tốc độ tăng của tiền lớn hơn tốc độ tăng doanh thu thuần, còn năm 2006 tốc độ doanh thu thuần tăng còn tốc độ tiền mặt lại giảm. Ắ hư vậy, thông qua vòng quay tiền ta thấy sự giảm của tiền mặt trong năm 20026 là hợp lý, tạo điều kiện cho việc sử dụng tiền mặt hiệu quả hơn.

b) Quản lý dự trữ, tồn kho

Quy mô hàng tồn kho giảm về mặt số lượng và tốc độ trong năm 2005 so với năm 2004. Ắ ăm 2006 so với năm 2005 thì xuất hiện sự tăng đột biến

của dự trữ hàng tồn kho tăng, chủ yếu do nguyên liệu, vật liệu tồn kho tăng. Do đó, trong thời gian tới doanh nghiệp cần nghiên cứu làm sao để có được lượng tồn kho hợp lý hơn, vừa đảm bảo cho sản xuất kinh doanh được liên tục vừa tránh tình trạng ách tắc, ứ đọng vốn.

c) Quản lý các khoản phải thu

Ả HƯ VẬY, qua các năm kỳ thu tiền bình quân của doanh nghiệp đã giảm dần chứng tỏ tốc độ luân chuyển các khoản phải thu thành tiền mặt của doanh nghiệp cao hơn, tiền thu được về quỹ nhanh hơn. Bên cạnh đó các khoản phải thu khách hàng sử dụng điện thoại vẫn tăng qua các năm, chính vì vậy đơn vị cần tìm ra nguyên nhân từ đó có các biện pháp phù hợp nhằm thu hồi nợ đọng mang lại hiệu quả cao.

2.2.3.4. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động

- Hiệu suất sử dụng vốn lưu động

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp năm 2005 tăng so với năm 2004, nhưng lại giảm so với năm 2006. ả nguyên nhân là do tốc độ tăng VLD nhỏ hơn tốc độ tăng của doanh thu. ả HƯ VẬY một mặt cần phải xem lại việc tăng vốn lưu động của doanh nghiệp trong năm 2006 đã thực sự đem lại hiệu quả chưa. Mặt khác cần phải tìm các biện pháp tăng doanh thu.

- Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động

Tỷ suất lợi nhuận trên VLD rất thấp và giảm qua các năm. Một trong những lý do là cơ chế ăn chia doanh thu và lợi nhuận hiện nay chưa phù hợp, chưa thực sự khuyến khích các đơn vị thực hiện kế hoạch và chưa phù hợp với tình hình thực tế. Mặt khác do lợi nhuận kế hoạch mà Tập đoàn giao cho đơn vị qua các năm không thay đổi trong khi doanh thu và chi phí đều tăng.

- Số ngày luân chuyển, số vòng quay vốn lưu động

Số ngày luân chuyển năm 2005 so với năm 2004 giảm, chứng tỏ vốn lưu động của công ty đã được luân chuyển tốt hơn, hiệu quả sử dụng vốn sẽ

cao hơn. ả ăm 2006 so với năm 2005 số ngày luân chuyển tăng tức số vòng quay của vốn lưu động giảm, vậy vốn lưu động của đơn vị năm 2006 đã luân chuyển chưa tốt hơn năm 2005.

- Hệ số đảm nhiệm,

Hệ số đảm nhiệm năm 2005 so với năm 2004 giảm chứng tỏ cứ thu được 1 đồng doanh thu năm 2005 sẽ giảm lượng vốn lưu động phải bỏ ra so với năm 2004. ả ăm 2006 cứ thu được 1 đồng doanh thu thì sẽ tăng lượng vốn lưu động phải bỏ ra.

2.2.4. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại Bru điện tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.4.1 Những kết quả đạt được

- Trong những năm qua Bru điện tỉnh Hà Tĩnh đã hoàn thành hầu như vượt mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm sau tăng trưởng lớn hơn năm trước

- Vốn và nguồn vốn cũng như quy mô tài sản đầu tư hàng năm đều tăng

- Công tác thanh lý tài sản được chú trọng, doanh nghiệp đã mạnh dạn thanh lý nhiều tài sản cũ kỹ, lạc hậu, hết thời gian sử dụng

- Công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cũng được doanh nghiệp chú trọng và đó là công tác thường xuyên

- Cơ cấu TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản

- Hiệu quả sử dụng vốn lưu động cũng đã được cải thiện qua các năm mặc dù khả năng sinh lời còn thấp.

** Nguyên nhân thành công*

- Được sự quan tâm của Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt ả am.

- Sự đoàn kết, nỗ lực cố gắng của toàn thể cán bộ, công nhân viên Bru điện tỉnh Hà Tĩnh

- Công tác tổ chức hạch toán kế toán thống kê được tổ chức thường xuyên và thực hiện đúng theo pháp lệnh KTTKTC.

2.2.4.1 Những hạn chế

4.2.1 Vốn cố định

** Hạn chế:*

- Đầu tư còn dàn trải, kém hiệu quả, tiến độ chậm từ đó gây khó khăn cho SXKD và thanh quyết toán
- Công tác thanh lý TSCĐ tuy đã được chú trọng nhưng chưa thực hiện kịp thời và đầy đủ ảnh hưởng đến công tác đầu tư và hiệu quả SXKD
- Trình độ tay nghề, ý thức của cán bộ vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa chưa cao
- Phương pháp khấu hao đường thẳng chưa hợp lý
- Các công trình XD CB (năm 1999-2002) chưa giải quyết dứt điểm về tiến độ thi công, thanh quyết toán
- Công tác phân cấp sửa chữa và đầu tư TSCĐ chưa được chú trọng
- Quản lý và sử dụng quỹ khấu hao cơ bản chưa hợp lý dẫn đến khi thừa khi thiếu.

** Nguyên nhân:*

- Do cơ chế quản lý tài chính Tập đoàn còn cứng nhắc không phù hợp với tình hình hiện nay, xuất hiện cơ chế bao cấp xin cho, Bưu điện tỉnh chưa chủ động sáng tạo để huy động vốn
- Quy định của ả hà nước về phương pháp khấu hao quá cứng nhắc chưa phù hợp với đặc thù TSCĐ của ngành
- Quản lý đầu tư XD CB còn yếu, giải quyết chưa dứt điểm, kịp thời và hiệu quả
- Do tiến bộ KHKT nên TSCĐ đặc thù viễn thông nhanh chóng lạc hậu và hao mòn vô hình nhanh.

4.2.2 Vốn lưu động

** Hạn chế:*

- Vòng quay hàng tồn kho các năm giảm do vật tư hàng hoá bị ứ đọng ngày càng nhiều

- Vật tư hàng hoá kém phẩm chất, không sử dụng do lạc hậu ngày càng nhiều chưa thanh lý

- ả ợ tồn đọng phải thu cao, đặc biệt là nợ bưu điện phí chiếm tỷ lệ 1,4 (chỉ tiêu ngành cho phép là 1,0)

- Vốn tiền mặt sử dụng chưa hiệu quả, tiền ngân vụ-chuyển tiền-tiết kiệm khi thừa khi thiếu trầm trọng ảnh hưởng đến hoạt động SXKD.

* ả nguyên nhân:

- Do giá cả thị trường biến động liên tục làm giá cả vật tư tăng giảm làm ảnh hưởng áp lực dự trữ đầu vào

- Xuất hiện nhiều doanh nghiệp viễn thông khác trên thị trường, tính cạnh tranh viễn thông gay gắt

- Công tác nghiên cứu thị trường, quảng cáo, tiếp thị, xúc tiến bán hàng còn hạn chế

- Quản lý tiền mặt chưa đúng quy định và hiệu quả.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM NANG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI BƯU ĐIỆN TỈNH HÀ TĨNH

3.1 Định hướng hoạt động của BDT Hà Tĩnh trong thời gian tới

3.1.1. Những thuận lợi và khó khăn

3.1.2. Định hướng hoạt động Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tới

3.1.2.1 Các định hướng phát triển

- Xây dựng và phát triển mạng lưới Bưu chính-Viễn thông-Tin học hiện đại, đồng bộ và rộng khắp; cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đa dạng, phong phú với giá cước hợp lý

- ả ăng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ di động, internet; phát triển theo hướng ưu tiên đầu tư công nghệ cao cho sản phẩm mới, có khả

năng cạnh tranh; chú trọng chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, đặc biệt quan tâm phát triển công nghệ thông tin

- Tập trung đổi mới tổ chức; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có đủ năng lực, trình độ quản lý, kỹ thuật kinh doanh, có phẩm chất chính trị tốt.

3.1.2.2 Mục tiêu của Bru điện tỉnh giai đoạn 2006-2010.

- Doanh thu phát sinh phần đầu đến 2010 đạt 215 tỷ đồng.
- Phần đầu năm 2010 nộp chênh lệch về tập đoàn 20 tỷ đồng
- Tổng lợi nhuận phần đầu năm 2010 đạt 21 tỷ đồng.
- ả ăng suất lao động bình quân đến năm 2010 đạt 200 triệu/người/năm.
- Số máy điện thoại phát triển phần đầu năm 2010 đạt 29.500 máy điện thoại, đạt mật độ 12.5 máy/100 dân.

3.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Bru điện tỉnh Hà Tĩnh.

3.2.1. Giải pháp chung

3.2.1.1 Bảo toàn và phát triển vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

- Sử dụng vốn hiện có đúng mục đích, tránh lãng phí
- Thực hiện tốt công tác phòng ngừa rủi ro
- Chú trọng phân tích môi trường kinh doanh

Để công tác huy động vốn được thành công doanh nghiệp cần thực hiện các công việc sau:

- + Xác định đúng đắn nhu cầu vốn cho hoạt động của doanh nghiệp
- + Lựa chọn phương pháp và hình thức thích hợp huy động vốn

3.2.1.2 Tăng cường quản lý chi phí, phát triển quản lý các nguồn thu hoạt động SXKD

- Tăng cường biện pháp để tiết kiệm chi phí:
- + Lập kế hoạch chi phí, xác định nội dung, phạm vi sử dụng
- + Xây dựng được các định mức kinh tế - kỹ thuật

- + Tiết kiệm các chi phí trong đầu tư XD CB, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí tiếp tân khánh tiết, chi phí hội họp...

- + Tiến hành phân tích, đánh giá, tình hình quản lý sử dụng chi phí để có biện pháp phù hợp nhằm tiết kiệm chi phí

- Quản lý tốt các nguồn thu cần phải thu đúng, thu đủ, hạch toán đầy đủ các khoản thu. Không ngừng mở rộng và phát triển các nguồn thu.

3.2.1.3 Tiếp cận và chiếm lĩnh công nghệ hiện đại

Muốn vậy cần giải quyết tốt các vấn đề sau:

- Dự đoán đúng nhu cầu thông tin, tính cạnh tranh, và nguồn hàng.

- Có giải pháp huy động và sử dụng vốn đúng đắn

- ả ghiên cứu, đánh giá, lựa chọn những máy móc thiết bị phù hợp

3.2.1.4 Nâng cao vai trò kế toán, thống kê và hoạt động phân tích tài chính tại doanh nghiệp

Để quản trị tài chính cần hoàn thiện trên các khía cạnh:

- Phải có sự phân công rõ ràng trách nhiệm, phạm vi công việc của kế toán viên; Có sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng liên quan

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra; Quán triệt thi hành những văn bản; Triển khai đồng bộ việc ứng dụng tin học vào kế toán

- Bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao trình độ và trách nhiệm của những cán bộ đảm nhiệm công tác kế toán thống kê tài chính.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, hạch toán, theo dõi riêng thành 2 lĩnh vực бухгалтер và thống kê theo mô hình đổi mới

Hoạt động phân tích tài chính là một công tác quan trọng. Doanh nghiệp cần thực hiện theo những bước: *công tác chuẩn bị, tiến hành phân tích, kết quả phân tích.*

3.2.1.5 Nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện bộ máy quản trị doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ, năng động, linh hoạt, hiệu quả

- Tăng cường quản trị kế hoạch, chiến lược kinh doanh
- Tăng cường công tác kiểm soát trong doanh nghiệp:

3.2.1.6 Nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ CBCNV

- Coi trọng vấn đề tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại
- Cần xây dựng một cơ cấu lao động tối ưu
- ẩ ẩ ẩ cao ý thức tổ chức kỷ luật, phong cách làm việc
- Phát huy chính sách khuyến khích tinh thần và chế độ thưởng phạt.

3.2.1.7 Hoàn thiện hoạt động Marketing

- Hoàn thiện hệ thống thông tin marketing
- ẩ ẩ ẩ mạnh công các nghiên cứu thị trường.

3.2.2 Giải pháp cụ thể

3.2.2.1 Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định

a) Tăng cường công tác quản lý và sử dụng TSCĐ

- Chú trọng đổi mới thiết bị, phương pháp công nghệ sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ hiện có về thời gian và công suất.
- Thanh lý các TSCĐ không cần dùng hoặc đã hư hỏng, xuống cấp, lạc hậu, không dự trữ quá mức các TSCĐ chưa cần dùng
- Thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa TSCĐ theo đúng quy định
- Chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh mua bảo hiểm tài sản, lập quỹ dự phòng tài chính
- Phân cấp quản lý và sử dụng TSCĐ cho các đơn vị trực thuộc

b) Lập kế hoạch khấu hao TSCĐ và quản lý quỹ khấu hao TSCĐ trong doanh nghiệp.

- Lập kế hoạch khấu hao theo tỷ lệ ẩ ẩ nước và của Tập đoàn qui định, điều chỉnh kịp thời giá trị tài sản cố định
- ẩ ẩ giá và ẩ ẩ giá lại tài sản cố định, lựa chọn phương pháp khấu hao thích hợp để đảm bảo thu hồi vốn nhanh và bảo tồn được vốn

c) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý đầu tư XDCB.

- Khẩn trương hoàn thành các thủ tục phê duyệt dự án, giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công, đẩy nhanh tiến độ các dự án trong năm.
- Phát hiện và xử lý vướng mắc thực tế, tìm các giải pháp khắc phục, huy động nguồn lực để hoàn thành khối lượng theo đúng tiến độ
- Tăng cường năng lực bộ máy thực hiện và quản lý đầu tư, thực hiện tốt các yêu cầu về công khai, minh bạch kiểm tra, giám sát đầu tư
- Đẩy nhanh tiến độ kiểm toán, thẩm tra báo cáo quyết toán vốn
- Phân cấp quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cho các đơn vị trực thuộc của mình trong phạm vi và quyền hạn của Bưu điện tỉnh

3.2.2.2 Giải pháp quản lý và sử dụng vốn lưu động

a) Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn tiền mặt

- Lập kế hoạch sử dụng tiền phù hợp, hạch toán vào sổ sách kế toán đầy đủ, quản lý chặt chẽ các khoản thu chi tiền mặt, tạm ứng
- Phân định rõ ràng trách nhiệm giữa thủ quỹ và kế toán, đánh giá quản trị vốn tiền mặt qua các chỉ tiêu, đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát tài chính, chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng, quản lý tiền mặt
- Quản lý tiền mặt theo đúng quy định của ngân hàng nhà nước và quy định của Tập đoàn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về nghiệp vụ, hiểu biết về pháp luật cho đội ngũ làm công tác quản lý tài chính.

b) Quản lý chặt chẽ các khoản phải thu

Để công tác thu bưu điện phí được tốt cần thực hiện các giải pháp:

- * Về phía Bưu điện huyện, thị xã.
- * Về phía Công ty Điện báo điện thoại
- * Về phía Bưu điện tỉnh

c) Quản lý chặt chẽ vật tư hàng hoá, nâng cao hiệu quả quản lý dự trữ tồn kho

- Xác định mức dự trữ tối ưu để có mức dự trữ hợp lý

- Thực hiện thăm dò thị trường, dự đoán xu thế phát triển của ngành để lập kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu một cách chính xác
- Kiểm kê, lập hội đồng thanh lý xử lý các loại vật tư hàng hoá hư hỏng kém phẩm chất để giảm giá trị tồn kho không hiệu quả
- Mở rộng mối quan hệ với các nhà cung cấp có uy tín, lựa chọn hình thức cung cấp vật tư cả về số lượng và hình thức thanh toán, giá cả hợp lý
- Chú trọng công tác quản lý và bảo quản vật tư
- Hoàn thiện và hạ thấp định mức tiêu dùng nguyên vật liệu, xác định mức tiêu hao một cách khoa học, sát với thực tế.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Kiến nghị đối với Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam

- *Phân cấp mạnh hơn cho các đơn vị thành viên*
- *Tập đoàn quan tâm hơn nữa công tác đầu tư, cấp phát vốn, triển khai các thủ tục, xét duyệt các dự án*
- *Đưa ra hệ thống các chỉ tiêu ngành.*
- *Nghiên cứu điều chỉnh các loại giá cước cho phù hợp.*
- *Nghiên cứu đưa ra cách thức phân chia cước BC-VT, phân chia lợi nhuận cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc hợp lý phù hợp với tình hình thực tế.*

3.3.2. Kiến nghị đối với các cơ quan Nhà nước

- *Đẩy nhanh việc xây dựng luật bưu chính viễn thông cùng hệ thống văn bản pháp quy khác*
- *Cải cách giá cước dịch vụ BC-VT theo hướng nhà nước chỉ quy định khung giá cước và các dịch vụ cơ bản phổ cập.*
- *Cho phép Tập đoàn tự quyết định phương pháp khấu hao.*
- *Không ngừng đổi mới và hiện đại hoá hệ thống ngân hàng, phát triển và hoàn thiện thị trường chứng khoán*

- Đề nghị các bộ, ngành, chính quyền các cấp hỗ trợ Tập đoàn và Bưu điện tỉnh về cơ chế và các điều kiện vật chất khác
- Nhà nước vẫn duy trì bảo hộ ngành BC-VT Việt nam ở mức độ nhất định.
- Cần ban hành luật về việc xử lý ‘các khoản nợ không có khả năng thanh toán’

KẾT LUẬN

Âm hiệu quả sử dụng vốn để nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đang là vấn đề cấp bách và là mối quan tâm của các doanh nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong những năm qua. Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần vào sự lớn mạnh của Tập đoàn BCVT nói riêng và vào sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước nói chung. Trong bước trưởng thành này đánh dấu một vai trò không nhỏ của công tác quản lý và sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh. Với phương pháp nghiên cứu lý luận với thực tiễn, trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn của Bưu điện tỉnh . “ âm hiệu quả sử dụng vốn của Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh” nhằm nêu rõ bản chất hiệu quả sử dụng vốn về những thành công và

hạn chế cần khắc phục, đồng thời qua đó tìm ra nguyên nhân và đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh.

Trong điều kiện nghiên cứu có hạn, quá trình nghiên cứu không tránh khỏi thiếu sót. Tôi rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà quản lý và các bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực này.

Tôi xin chân thành cảm ơn TS. Trần Anh Tài, người đã trực tiếp hướng dẫn tôi thực hiện luận văn tốt nghiệp.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn đối với Ban lãnh đạo Bưu điện tỉnh Hà Tĩnh, các đồng nghiệp tại phòng kế toán thống kê tài chính đã tạo điều kiện, giúp đỡ, đóng góp cho tôi hoàn thành bài luận văn.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể các thầy cô giáo trong khoa kinh tế - đại học quốc gia Hà Nội đã giúp đỡ tôi trong quá trình hoàn thành bài luận văn được tốt hơn.